TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19-02-2019
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC PHỔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Duy Trinh
2. Bà Lê Thị Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Nguyễn Văn Hậu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Phổ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Cường– Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST – HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST- HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn V, xã P, huyện X, tỉnh Quảng Ngãi; (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 01 tháng 01 năm 2019, tại bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức D trình bày:

Anh và chị Huỳnh Thị Đ tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra cãi vả, mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không cùng quan điểm sống. Chị Đ đã bỏ nhà đi từ năm 2016 đến nay, không chăm lo đến cuộc sống gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn chị Đ.

Về con chung: Anh D và chị Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2014, khi ly hôn, anh yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu chị Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

Tại bản tự khai bị đơn chị Huỳnh Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, con chung như lời trình bày của anh D là đúng. Trong cuộc sống chung của vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do không cùng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng không sống chung đã lâu. Nay anh D yêu cầu ly hôn thì chị Đ đồng ý.

Về con chung: có hai cháu tên Nguyễn Đức K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2014, khi ly hôn chị đồng ý giao hai con cho anh Nguyễn Đức D nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy đinh của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đức D được ly hôn với chị Huỳnh Thị Đ.

Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Nguyễn Đức D nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh D không yêu cầu chị Đến cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 15 tháng 11 năm 2018 anh Nguyễn Đức D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với chị Huỳnh Thị Đ ở xã P, huyện X. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Chị Huỳnh Thị Đ được Tòa án giao giấy triệu tập đúng theo quy định của pháp luật. Nhưng chị Đ có đơn xin giải quyết và xét xử văng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị Huỳnh Thị Đ.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: giữa nguyên đơn anh Nguyễn Đức D và bị đơn chị Huỳnh Thị Đ tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện X. Như vậy theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Đ là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân hơn hai năm. Anh D yêu cầu ly hôn, chị Đ chấp nhận. Mặc khác, theo xác minh tại Hội phụ nữ xã P thì vợ chồng anh D và chị Đ đã không sống chung từ năm 2016 đến nay. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh D

và chị Đ ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, cho anh Nguyễn Đức D được ly hôn chị Huỳnh Thị Đ.

[2.2] Về con chung: Anh D và chị Đ có hai con chung là cháu Nguyễn Đức K-sinh ngày 21/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim N-sinh ngày 03/12/2014. Hiện con chung đang ở với anh D; chị Đ thống nhất giao hai con cho anh D nuôi. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao hai con chung cho anh D tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp. Anh D không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[3] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội thì anh Nguyễn Đức D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức D và chị Huỳnh Thị Đ

2. Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Đức K, sinh ngày 21/4/2012 và cháu Nguyễn Thị Kim N, sinh ngày 03/12/2014 cho anh Nguyễn Đức D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Đức D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Chị Huỳnh Thị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức D phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp tại biên lai thu số AA/2016/0001640 ngày 02 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Phổ.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Đức D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Huỳnh Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Đức Phổ;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ, án văn;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Kha